TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:121/2017/DS-PT
Ngày: 22/9/2017
V/v: *"Y/c tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Doãn Đình Quyến
- *Các Thẩm phán*: Ông Trương Công Bình, ông Nguyễn Văn Bằng
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk***: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2017/TLPT-DS ngày 15/8/2017 về việc "*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu*".

Do bản án sơ thẩm số 04/2017 DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 142 /2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2017giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm:1953 (Có mặt)

- Chị Nguyễn Hồng H, sinh năm: 1976 (Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Hoài T, sinh năm: 1978 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 322, Nguyễn Tất T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Chị Nguyễn Hồng H, anh Nguyễn Hoài T ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân V theo văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 8 năm 2015).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1961 (Có mặt) .Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967(Bà N ủy quyền cho ông T theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2017)

Cùng địa chỉ: Thôn 1B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Lê Phong V, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

3.2 Anh Lê Hòang N, sinh ngày: 02/6/1999 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 1B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3.3 Ủy ban nhân dân huyện K

Người đại diện theo pháp luật: Ông Y S Byă. Chức vụ: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân(UBND) huyện K(Ông Y S Byă ủy quyền cho Ông Nguyễn Xuân H; Chức vụ: Trưởng phòng tài nguyên môi trường).- Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3.4 Ủy ban nhân dân xã H, huyện K

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T; Chức vụ: Chủ tịch UBND xã H (ông T ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân B: Chức vụ: Cán bộ tư pháp xã theo văn bản ủy quyền ngày 14/9/2017) – Có mặt

Địa chỉ: Thôn 2A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc nội dung vụ án như sau:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày: Theo Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 15/QĐTT, ngày 10/11/2004 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông thì ông Lê Văn T phải trả cho chị Trần Thị L (Vợ ông Nguyễn Xuân V) số cà phê nhân R2 5% là 1.882,4 kg và thời gian giao trả vào ngày 31/12/2004. Đến hạn trả nợ ông T không tự nguyện trả nợ cho bà L, nên năm 2005 bà L đã làm đơn yêu cầu thi hành án, ông T đã thi hành và trả cho bà L được 544,87 kg cà phê nhân xô. Số còn lại 1.337,5 kg cà phê nhân xô chưa thi hành. Đến năm 2010 bà Trần Thị L chết không để lại di chúc, do đó tôi (V) và các con Nguyễn Hồng H, Nguyễn Hoài T là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đã làm đơn kiến nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện K xem xét giải quyết yêu cầu Thi hành án của bà Trần Thị L. Ngày 29/7/2015 Chi cục Thi hành án dân sự huyện K ra thông báo số 733/TB-CCTHA yêu cầu ông V và các con khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Hiện nay chúng tôi được biết trong thời gian phải thi hành án trả nợ cho chúng tôi thì ông Lê Văn T cùng vợ bà Nguyễn Thị N đã làm hợp đồng tặng cho tài sản là Quyền sử dụng (QSD) đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận QSD đất số AH 490930, thửa đất số 202,tờ bản đồ số 02, diện tích 406 m^2 do UBND huyện K cấp ngày 23/03/2007 cho hộ bà Nguyễn Thị N. Địa chỉ xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk lập ngày 18/03/2009, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã H chứng thực số 40/01 TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 31/03/2009. Đến ngày 16/4/2009 anh Lê Phong V, sinh năm 1990 nhận tặng cho QSD đất theo hợp đồng số 40/01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 31/03/2009.

Từ những nội dung nêu trên và căn cứ thông báo về quyền khởi kiện số 733, ngày 29/7/2015 của Chi cục thi hành án huyện K, xét thấy quyền lợi bị xâm phạm, nên tôi cùng các con Nguyễn Hồng H, Nguyễn Hoài T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất lập ngày 18/3/2009 và được UBND xã H chứng thực số 40/01 TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 31/03/2009 giữa ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị N và anh Lê Phong V là vô hiệu. Đề nghị Toà án kiến nghị với

UBND huyện K thu hồi lại Giấy CNQSD đất số AH -490930 do UBND huyện K cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N ngày 23/03/2007 và ngày 16/4/2009 hộ ông Lê Phong V nhận tặng cho theo hợp đồng số 40/01 TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 31/03/2009.

*** Quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Văn T trình bày:** Ông T và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng, anh Lê Phong V và anh Lê Hồng N là con trai ruột của chúng tôi. Ông T và bà N đã sống ly thân từ năm 2000. Nay ông V cùng với chị Nguyễn Hồng H, anh Nguyễn Hoài T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho giữa vợ chồng tôi là Lê Văn T, bà Nguyễn Thị N và con trai Lê Phong V là vô hiệu tôi không đồng ý, vì các lý do sau:

Thứ nhất: Diện tích đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 490930, cấp ngày 23/03/2007 do UBND huyện K cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N là tài sản riêng của bà N, bà N vay mượn về để mua diện tích đất nói trên vào ngày 23/3/2007 do UBND huyện K cấp GCNQSD đất số AH – 490930 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị N nên ông Nguyễn Xuân V cùng các con Nguyễn Hồng H, Nguyễn Hoài T không có quyền yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất của bà Nguyễn Thị N cho con trai Lê Phong V.

Thứ hai: Năm 2006, tôi có nhận diện tích đất và đã xây nhà trên đường liên huyện K, tỉnh Đắk Nông. Năm 2007 tôi ủy quyền tòan bộ diện tích đất trên cho ông Nguyễn Mai H, chức vụ: Giám đốc chi nhánh xuất nhập khẩu C, Đắk Nông để tôi đi chữa bệnh thì ông H ở nhà tự bán diện tích và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất của tôi. Do vậy tôi đề nghị ông V khởi kiện ông Nguyễn Mai H bán nhà của tôi, vì đây là tài sản riêng của tôi.

*** Đại diện theo ủy quyền của UBND xã H ông Nguyễn Xuân B trình bày:** Sau khi nhận hồ sơ tặng cho QSD đất của hộ bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn T với anh Lê Phong V (con bà N) đề ngày 18/3/2009 thì bộ phận tiếp nhận hồ sơ UBND xã H thấy hồ sơ đầy đủ thủ tục đúng theo quy định pháp luật và tại thời điểm nhận hồ sơ nói trên thì UBND xã H không nhận được đơn khiếu nại của cá nhân, Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn hoặc quyết định kê biên của các cơ quan có thẩm quyền nên bộ phận tiếp nhận hồ sơ đã tham mưu cho Chủ tịch UBND xã H ký chứng thực hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản trên đất của bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn T cho anh Lê Phong V số 40/01 TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 31/03/2009 là hoàn toàn đúng quy trình và phù hợp với quy định của pháp luật. Nay Ông Nguyễn Xuân V, chị Nguyễn Hồng H và anh Nguyễn Hoài T căn cứ vào Luật thi hành án khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng tặng cho QSD đất giữa hộ bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn T với anh Lê Phong V do có dấu hiệu tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì UBND xã H đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện K ông Nguyễn Xuân H trình bày:** Sau khi nhận hồ sơ tặng cho QSD đất và tài sản trên đất của hộ bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn T với anh Lê Phong V (con bà N) đề ngày 18/3/2009 thì Phòng tài nguyên và Môi trường huyện K nhận thấy hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định và tại thời điểm nhận hồ sơ nói trên Phòng tài nguyên và Môi trường không nhận được đơn khiếu nại của cá nhân, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn hoặc quyết định kê biên của các cơ quan có thẩm quyền nên Phòng tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất cho anh Lê Phong V, ngày 16/4/2009 là hoàn toàn đúng quy trình và phù hợp với quy định của pháp luật. Nay Ông Nguyễn Xuân V, chị Nguyễn Hồng H và anh Nguyễn Hoài T căn cứ vào Luật thi hành án khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng tặng cho QSD đất giữa hộ bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn T với anh Lê Phong V do có dấu hiệu tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì UBND huyện K đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xử theo quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Khoản 3 Điều 209, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 103/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 122; Điều 127; Điều 129;Điều 465 của Bộ luật dân sự 2005; Điểm a khoản 1 Điều 50 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Xuân V, chị Nguyễn Hồng H, anh Nguyễn Hoài T.

Tuyên xử: Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ngày 18/03/2009 được UBND xã H chứng thực số 40/01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 31/3/2009 giữa ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị N và anh Lê Phong V là vô hiệu.

Kiến nghị UBND huyện K thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 490930, thửa đất số 202, tờ bản đồ số 02, diện tích 406 m^2 do UBND huyện K cấp ngày 23/03/2007 cho hộ bà Nguyễn Thị N và ngày 16/4/2009 hộ ông Lê Phong V nhận tặng cho theo hợp đồng 40/01 TP/CCSCT/HĐGD ngày 31/3/2009 để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị N để đảm bảo quyền yêu cầu thi hành án dân sự thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên tiền án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/7/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 04/2017/DSST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Tại Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 15/QĐ-TA ngày 10/11/2004 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông đã ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Trần Thị L và ông Lê Văn T, theo đó ông T đang có nghĩa vụ trả nợ cho bà L, ngày 18/3/2009 gia đình ông T đã làm thủ tục tặng cho con trai là Lê Phong V quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là tài sản chung của hộ gia đình ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị N là nhằm để tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án dân sự của ông T đối với bà L, đây là giao dịch dân sự giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba, vi phạm điều cấm của luật. Như vậy sau khi bà Trần Thị L chết, các đồng sở hữu theo hàng thừa kế thứ nhất là ông Nguyễn Xuân V, anh Nguyễn Hoài T, chị Nguyễn Hồng H làm đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho QSD đất và các tài sản trên đất đối với phần tài sản thuộc sở hữu của ông Lê Văn T vô hiệu là có căn cứ. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên và của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1}Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo trong hạn luật định có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên yêu cầu kháng cáo được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

{2}Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Ngày 18/03/2009 vợ chồng ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị N và anh Lê Phong V xác lập hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản gắn liền trên đất theo GCNQSD đất số AH-490930 do UBND huyện K đứng tên hộ bà Nguyễn Thị N ngày 23/03/2007 cho anh Lê Phong V. Hợp đồng tặng cho được UBND xã H chứng thực số 40/01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 31/03/2009; Ngày 16/4/2009 UBND huyện K đăng ký hộ ông Lê Phong V nhận tặng cho theo hợp đồng số 40/01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 31/03/2009.

Xét thấy: Tại Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 15/QĐ-TA ngày 10/11/2004 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông đã ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Trần Thị L và ông Lê Văn T,ông T đang có nghĩa vụ trả nợ cho bà L, ngày 18/3/2009 gia đình ông T đã làm thủ tục tặng cho con trai là Lê Hoàng N quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là tài sản chung của hộ gia đình ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị N, đây là giao dịch dân sự giả tạo nhằm để tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án dân sự của ông T đối với bà L, vi phạm điểm c khoản 2 Điều 117, Điều 122 và Điều 124 BLDS.

Ông T cho rằng Quyền sử dụng đất số AH 490930, thửa đất số 202, tờ bản đồ số 02, diện tích 406 m^2 do UBND huyện K cấp ngày 23/03/2007 cho hộ bà Nguyễn Thị N là tài sản riêng của bà N, ông bà đã sống ly thân, nhưng ông không có chứng cứ tài liệu nào chứng minh, nên HĐXX không chấp nhận.

Như vậy sau khi bà Trần Thị L chết, các đồng sở hữu theo hàng thừa kế thứ nhất là ông Nguyễn Xuân V, anh Nguyễn Hoài T, chị Nguyễn Hồng H làm đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho QSD đất và các tài sản trên đất đối với phần tài sản thuộc sở hữu của ông Lê Văn T vô hiệu là có căn cứ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N

{3} Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên: Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Khoản 3 Điều 209, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 103/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 122; Điều 127; Điều 129;Điều 465 của Bộ luật dân sự 2005; Điểm a khoản 1 Điều 50 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ngày 18/03/2009 được UBND xã H, huyện K chứng thực số 40/01-TP/CC-SCT/HĐGD ngày 31/3/2009 giữa ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị N và anh Lê Phong V là vô hiệu.

Kiến nghị UBND huyện K thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 490930, thửa đất số 202, tờ bản đồ số 02, diện tích 406 m^2 do UBND huyện K cấp ngày 23/03/2007 cho hộ bà Nguyễn Thị N và ngày 16/4/2009 hộ ông Lê Phong V nhận tặng cho theo hợp đồng 40/01 TP/CCSCT/HĐGD ngày 31/3/2009 để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị N để đảm bảo quyền yêu cầu thi hành án thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị L.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí DSPT và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0002312 ngày 26/7/2017.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Doãn Đình Quyến

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Đăk Lăk;
-TAND huyện Krông Pắc;
-THADS huyện K;
-Các đương sự;
-Lưu